TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày 07/01/2020
"*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hoàng

2. Ông Nguyễn Như Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 131/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân Hàng N; địa chỉ: Số N, phường T, quận B, tHnh phố H Nội.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo Văn bản ủy quyền số 305/NHNoIGĐGL-GUQ ngày 31/10/2019 của Ngân Hàng N Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai)*: Bà Lê Nguyễn Thanh U; địa chỉ: Số H, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân Hàng N thông qua Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai – Phòng giao dịch Ia Sao (Ngân Hàng) có cho bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 3972/2017/HĐTD ngày 01/12/2017, số tiền vay là 250.000.000.000 đồng, mục đích vay là chăm sóc 0,7 ha cà phê, chăn nuôi bò và mua vật dụng gia đình, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 01/12/2017. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 04/9/2018 bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T mới trả cho Ngân Hàng được số tiền lãi là 19.041.097 đồng, sau đó không tiếp tục trả tiền nợ lãi và nợ gốc như đã thỏa thuận nên từ ngày 03/12/2018 Ngân Hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng trên có Hợp đồng thế chấp tài sản số 031216/HĐTC ngày 01/12/2016 được ký giữa Ngân Hàng với bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T. Tài sản thế chấp là bất động sản tọa lạc tại thôn T, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nH ở và tài sản khác gắn liền với đất BĐ 254546, số vào sổ cấp giấy CH

04320/CN, do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 04/3/2011, thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 10, diện tích 6.744,7 m^2 chủ sử dụng đất là bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T. Do bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân Hàng khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T phải trả số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 07/01/2020 gồm nợ lãi trong hạn là 5.958.904 đồng, nợ lãi quá hạn là 41.301.370 đồng. Tổng cộng là 297.260.274 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến ngày bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T trả hết nợ cho Ngân Hàng. Trường hợp bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T không trả được số nợ trên thì Ngân Hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với các tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hàng.

2. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn Võ Thị Thu H và Nguyễn Thanh T đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng bà H và ông T cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của bà H và ông T.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: 01 hợp đồng tín dụng (bản sao); 02 bảng kê tính lãi; đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (bản sao); 01 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (bản sao); 01 phương án sử dụng vốn phục vụ như vầu hoạt động sản xuất kinh doanh (bản sao); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản sao); 01 quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ (bản sao); 01 quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2019 (bản sao); 01 quyết định số 600/QĐ-HĐTV ngày 23/4/2012 (bản sao); 01 Điều lệ (bản phô tô); 01 giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (bản phô tô); 01 một giấy xác minh (bản phô tô); 01 Văn bản ủy quyền số 305/NHNoIGĐGL-GUQ ngày 31/10/2019; 01 bản tự khai; 01 biên bản xác minh của Tòa án ngày 08/10/2019; 01 biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 06/11/2019.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến Hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Ngân hàng là tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và một bên là bị đơn không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là hợp đồng dân sự về tín dụng và pháp luật áp dụng là Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến Hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu

tập, không cung cấp chứng cứ nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được và Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng số 3972/2017/HĐTD ngày 01/12/2017 giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực, các bên trong hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng đã được giao kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ Luật Dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng N, buộc bị đơn là bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T phải trả cho Ngân Hàng tổng số tiền nợ đến ngày 07/01/2020 là 297.260.274 đồng, trong đó nợ gốc là 250.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.958.904 đồng, nợ lãi quá hạn là 41.301.370 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến ngày bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T trả hết nợ cho Ngân Hàng.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa Ngân Hàng với bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 031216/HĐTC ngày 01/12/2016 được ký giữa Ngân Hàng với bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T. Tài sản thế chấp là bất động sản tọa lạc tại thôn t, thị trấn k, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BĐ 254546, số vào sổ cấp giấy CH 04320/CN, do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 04/3/2011, thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 10, diện tích 6.744,7 m^2 chủ sử dụng đất là bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T. Hợp đồng nói trên có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực và các bên buộc phải thực hiện. Qua kết quả xem xét và thẩm định tại chỗ ngày 06/11/2019 thấy rằng, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất không có tranh chấp. Vì vậy căn cứ vào Điều 299 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân Hàng.

[3] Về chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự buộc bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T phải hoàn lại cho Ngân Hàng N toàn bộ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 299, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban Hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng N.

2. Buộc bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T phải trả cho Ngân Hàng N tổng số tiền nợ tính đến ngày 07/01/2020 là 297.260.274 đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi nghìn hai trăm bảy mươi bốn), trong đó nợ gốc là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 5.958.904 đồng (Năm triệu chín trăm năm mươi tám nghìn chín trăm không bốn đồng), nợ lãi quá hạn là 41.301.370 đồng (Bốn mươi mốt triệu ba trăm không một nghìn đồng ba trăm bảy mươi đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến ngày bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T trả hết nợ.

3. Trong trường hợp bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T không trả đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân Hàng N thì Ngân Hàng N có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 105, tờ bản đồ số 10, diện tích 6.744,7 m^2 tại thôn T, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BĐ 254546, số vào sổ cấp giấy CH 04320/CN, do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 04/3/2011 mang tên chủ sử dụng đất là bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 031216/HĐTC ngày 01/12/2016 được ký kết giữa Ngân Hàng N thông qua Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai với bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân Hàng cho vay thì lãi suất mà khách Hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân Hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân Hàng cho vay.

5. Buộc bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T phải trả lại cho Ngân Hàng N toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

6. Về án phí: Buộc bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 14.863.012 đồng (Mười bốn triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười hai đồng). Ngân Hàng N không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho Ngân Hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.142.123 đồng (Bảy triệu một trăm bốn mươi hai nghìn một trăm hai mươi ba đồng đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0005784 ngày 03/10/2019 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

7. Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại

phiên toà thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính